

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm
và cơ cấu ngạch công chức Sở Công Thương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 04/TTr-SCT ngày 05/3/2024 và Sở Nội vụ tại Văn bản số 438/XDCQ&TCBC ngày 13/3/2024; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh (lấy Phiếu qua Hệ thống TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục vị trí việc làm; cơ cấu ngạch công chức của Sở Công Thương, cụ thể như sau:

- Danh mục vị trí việc làm: tổng số 42 vị trí, trong đó:
 - Vị trí việc làm nhóm lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí;
 - Vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: 14 vị trí;
 - Vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 18 vị trí;
 - Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

(Cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)

- Cơ cấu ngạch công chức: cụ thể tại Phụ lục II kèm theo.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

1. Sở Công Thương: căn cứ danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được phê duyệt và chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao hàng năm để rà soát, bố trí, sử dụng và quản lý biên chế công chức, người lao động phù hợp với vị trí việc làm; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hoặc có phương án xử lý đối với công chức chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm theo quy định (nếu có); hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm gửi Sở Nội vụ phê duyệt theo quy định.

2. Sở Nội vụ: thẩm định và phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm của Sở Công Thương (sau khi có ý kiến của UBND tỉnh về trình độ chuyên môn của từng vị trí việc làm Sở Công Thương). Giám đốc Sở Nội vụ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật trong việc thẩm định, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm của Sở Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Khung năng lực từng vị trí việc làm trong cơ quan Sở Công Thương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nội vụ và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (08)			
1	Giám đốc Sở			
2	Phó Giám đốc Sở			
3	Chánh Văn phòng Sở		Văn phòng	
4	Chánh Thanh tra Sở		Thanh tra	
5	Trưởng phòng thuộc Sở		Phòng Quản lý Thương mại; Phòng Quản lý năng lượng; Phòng Quản lý Công nghiệp	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở		Văn phòng	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở		Thanh tra	
8	Phó Trưởng phòng thuộc Sở		Phòng Quản lý Thương mại; Phòng Quản lý năng lượng; Phòng Quản lý Công nghiệp	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (14)			
1	Chuyên viên chính về Quản lý Thương mại trong nước	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Thương mại	
2	Chuyên viên về Quản lý Thương mại trong nước	Chuyên viên	Phòng Quản lý Thương mại	
3	Chuyên viên chính về Quản lý Thương mại	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Thương mại	

	Quốc tế			
4	Chuyên viên về Quản lý Thương mại Quốc tế	Chuyên viên	Phòng Quản lý Thương mại	
5	Chuyên viên chính Quản lý cạnh tranh.	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Thương mại	
6	Chuyên viên về Quản lý cạnh tranh	Chuyên viên	Phòng Quản lý Thương mại	
7	Chuyên viên chính về Hội nhập kinh tế Quốc tế	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Thương mại	
8	Chuyên viên về Hội nhập kinh tế Quốc tế	Chuyên viên	Phòng Quản lý Thương mại	
9	Chuyên viên chính về Quản lý Công nghiệp	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Công nghiệp	
10	Chuyên viên về Quản lý Công nghiệp	Chuyên viên	Phòng Quản lý Công nghiệp	
11	Chuyên viên chính về Quản lý Hoá chất	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Công nghiệp	
12	Chuyên viên về Quản lý Hoá chất	Chuyên viên	Phòng Quản lý Công nghiệp	
13	Chuyên viên chính về Quản lý Năng lượng	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý Năng lượng	
14	Chuyên viên về Quản lý Năng lượng	Chuyên viên	Phòng Quản lý Năng lượng	
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (18)			
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính	Thanh tra	
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	Thanh tra	
3	Thanh tra viên về tiếp dân và xử lý đơn	Thanh tra viên	Thanh tra	Kiểm nhiệm
4	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	Thanh tra	Kiểm nhiệm
5	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên	Thanh tra	Kiểm nhiệm
6	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Thanh tra	
7	Chuyên viên về Pháp chế	Chuyên viên	Thanh tra	Kiểm nhiệm
8	Phụ trách kế toán		Văn phòng	
9	Kế toán viên	Kế toán viên	Văn phòng	

10	Chuyên viên về Tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Văn phòng	
11	Chuyên viên về Cải cách hành chính	Chuyên viên	Văn phòng	Kiểm nhiệm
12	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên	Văn phòng	Kiểm nhiệm
13	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng	
14	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Văn phòng	Kiểm nhiệm
15	Chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên	Văn phòng	
16	Văn thư viên	Văn thư viên	Văn phòng	
17	Cán sự về thủ quỹ	Cán sự	Văn phòng	Kiểm nhiệm
18	Cán sự về lưu trữ	Cán sự	Văn phòng	Kiểm nhiệm
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (02)			
1	Nhân viên phục vụ		Văn phòng	
2	Nhân viên lái xe		Văn phòng	
	TỔNG: 42 VTVL			

Phụ lục II
CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(của nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành và chuyên môn dùng chung)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

TT	Ngạch công chức (của nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành và chuyên môn dùng chung)	Cơ cấu ngạch công chức VTVL	Ghi chú
1	Chuyên viên chính và tương đương	40%	
2	Chuyên viên và tương đương	60%	

Lưu ý: Trường hợp chưa đủ tỷ lệ ở ngạch Chuyên viên chính và tương đương theo cơ cấu được phê duyệt thì số còn thiếu được cộng vào ngạch Chuyên viên và tương đương theo quy định.